

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST .

Ngày: 20/4/2018

V/v: “ *Tranh chấp hôn nhân
và gia đình - xin ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Hương**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phan Ngọc Lợi**

2. Bà **Dư Mỹ Linh**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phan Đình Nguyên** – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Kha Hữu Chí** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 325/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Kim C** - Sinh năm: 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh L.

Bị đơn: Anh **Mai Quốc T** - Sinh năm: 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp X, xã H, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/9/2017 và tại phiên Tòa, chị C trình bày: Chị và anh **Mai Quốc T** tự tìm hiểu quen biết trước, được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện G, tỉnh K. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống bên gia đình chồng được một thời gian vợ chồng đi làm. Nhưng cuộc sống nhiều khó khăn và luôn bất đồng ý kiến. Bản thân anh T thiếu quan tâm chăm sóc vợ con, quan hệ trai gái phức tạp. Mặc dù chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T không sửa đổi. Chính vì nguyên nhân trên mà chị đã về nhà cha mẹ ruột sống và chấm dứt quan hệ vợ chồng từ năm 2010 cho đến nay. Chị xác định theo thông tin được biết hiện anh T đã có vợ và con với người phụ nữ khác nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T. Quá trình chung sống chị và

anh T có với nhau 02 con chung tên Võ Hoàng Phú Q - Sinh ngày: 05/02/2008 và Mai Hoàng Bảo T – Sinh ngày: 12/11/2009. Do cháu Q sinh ra vào thời điểm anh chị chưa đăng ký kết hôn và thời gian này anh T không ở cạnh nên chị đã đăng ký cho cháu theo họ mẹ. Đối với con, chị xác định khi khởi kiện chị yêu cầu được quyền nuôi hai con nhưng anh T vắng mặt. Vì vậy, chị xin rút lại yêu cầu này. Khi nào có tranh chấp sẽ khởi kiện sau. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Chị C và anh T kết hôn với nhau vào năm 2009, được Ủy ban nhân dân xã H chứng nhận kết hôn. Quá trình chung sống giữa chị C và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chị C cho rằng anh T thiếu trách nhiệm với vợ con. Hiện tại anh T đã có gia đình khác nhưng chưa giải quyết ly hôn với chị C. Nên có căn cứ xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 01 – Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị C ly hôn anh T.

+ Về con chung, tài sản và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị miễn xét

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về trình tự thủ tục tố tụng: Chị C khởi kiện xin ly hôn với anh T. Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình – xin ly hôn được quy định tại khoản 01 – Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh T với tư cách là bị đơn trong vụ kiện, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên Tòa cho anh T, yêu cầu anh thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị C cũng như có mặt tại phiên hòa giải và tại phiên Tòa xét xử nhưng anh cố tình không giao nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình và vắng mặt qua phiên hòa giải cũng như phiên Tòa xét xử mà không có lý do. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng tiến hành đưa vụ kiện ra xét xử vắng mặt anh T là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với qui định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh T, chị C và anh T được gia đình cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2009, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Giồng Riềng chứng nhận kết hôn nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân hợp pháp. Chị C cho rằng quá trình sống chung trong gia đình vợ chồng luôn bất đồng ý kiến, anh T thiếu trách nhiệm với gia đình. Nhưng đó chỉ là trình bày của chị C, bởi anh T không có ý kiến nên đây không thể xem là chứng cứ để đánh giá mức độ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức độ trầm

trọng. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, thì “*vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”. Nhưng theo chị C trình bày thì hiện anh T đã có vợ và đã sinh con. Đối với tình tiết này qua xác minh chính quyền địa phương đã xác nhận có thật. Nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh T là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với qui định tại khoản 1 - Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử, chấp nhận cho chị C được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị C xác định chị và anh T có với nhau hai con chung tên Võ Hoàng Phú Q - Sinh ngày: 05/02/2008 và Mai Hoàng Bảo T – Sinh ngày: 12/11/2009, tại phiên Tòa chị C xác định rút yêu cầu giải quyết đối với con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, án phí ly hôn sơ thẩm chị C phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 8248 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng khoản 1 - Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Xử cho chị Võ Thị Kim C được ly hôn với anh Mai Quốc T.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a, khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí. Án phí ly hôn sơ thẩm chị C phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 8248 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 (Mười lăm) ngày. Chị C được tính kể từ ngày tuyên án (Ngày 20/4/2018). Anh T được tính kể từ ngày nhận được cấp tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**